



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ BIÊN HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 38
<u>Phụ lục 1</u> : Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014	39

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 21 tháng 08 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.978.420.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Chi nhánh đặt tại Lô B\_6A\_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 05 năm 2014.
- Văn phòng đại diện đặt tại Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Trang Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc
Ông Phạm Văn Điều	Phó Giám đốc
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Phó Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

## 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

## 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

## 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

Thay mặt Ban Giám đốc



**LÊ QUỐC TUYÊN**



Số: 15.147/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BI BIÊN HÒA**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bi Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2015 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bi Biên Hòa vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến nêu trên, mà chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính vấn đề sau: Như được trình bày tại mục 4.20 của thuyết minh đính kèm, trong năm Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao của một số nhóm tài sản. Ban Giám đốc tin tưởng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh phù hợp hơn kết quả hoạt động của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TÀNG QUỐC THẮNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán  
số: 0075-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HỒ NGỌC BẢO**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán  
số: 2136-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>466.448.019.126</b>	<b>399.173.999.838</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>82.194.459.355</b>	<b>73.767.750.198</b>
1. Tiền	111		15.194.459.355	58.767.750.198
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.000.000.000	15.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	(5.2)	<b>234.180.953.301</b>	<b>194.781.285.504</b>
1. Phải thu khách hàng	131		231.562.957.160	193.486.877.813
2. Trả trước cho người bán	132		895.708.393	623.188.820
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.860.345.388	773.791.495
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(138.057.640)	(102.572.624)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.3)	<b>149.710.195.855</b>	<b>130.147.571.260</b>
1. Hàng tồn kho	141		149.710.195.855	130.147.571.260
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>362.410.615</b>	<b>477.392.876</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		74.585.215	42.773.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			13.714.376
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		287.825.400	420.905.000

(Phần tiếp theo ở trang 6)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>202.937.223.035</b>	<b>211.698.283.520</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>153.459.007.821</b>	<b>160.606.814.310</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	133.270.141.494	153.516.587.571
+ Nguyên giá	222		367.585.594.856	363.811.735.219
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.315.453.362)	(210.295.147.648)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(5.5)	19.494.421.646	6.482.021.739
+ Nguyên giá	225		29.390.578.850	12.964.043.478
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.896.157.204)	(6.482.021.739)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228		1.471.867.089	1.471.867.089
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.471.867.089)	(1.471.867.089)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		694.444.681	608.205.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.6)	4.000.000.000	4.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>45.478.215.214</b>	<b>47.091.469.210</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	37.121.145.696	40.147.492.689
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(6.9)	6.161.099.518	5.845.470.521
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.8)	2.195.970.000	1.098.506.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>669.385.242.161</b>	<b>610.872.283.358</b>

(Phần tiếp theo ở trang 7)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>397.921.393.556</b>	<b>371.951.746.653</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>342.007.734.177</b>	<b>311.477.227.497</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	168.662.782.126	134.476.015.674
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	131.953.013.064	120.118.422.628
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	4.695.804	82.154.512
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	6.888.033.769	7.929.576.378
5. Phải trả người lao động	315	(5.12)	16.259.647.602	25.095.166.999
6. Chi phí phải trả	316	(5.13)	13.043.558.507	11.811.798.249
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.14)	1.269.575.404	1.108.543.942
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.15)	3.926.427.901	10.855.549.115
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>55.913.659.379</b>	<b>60.474.519.156</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.16)	55.913.659.379	60.474.519.156
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>271.463.848.605</b>	<b>238.920.536.705</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.17.1)	<b>271.463.848.605</b>	<b>238.920.536.705</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.17.2)	106.978.420.000	106.978.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(408.640.209)	(408.640.209)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.097.105.863	21.449.284.093
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.697.842.000	8.858.576.321
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.17.6)	123.099.120.951	102.042.896.500
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>669.385.242.161</b>	<b>610.872.283.358</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		735.123.035	735.123.035
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		66.561,80	79.978,46
+ EUR		949,84	949,84
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÝ PHÁT

TRƯỜNG BP. TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN

NGUYỄN HOÀNG

GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYÊN

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.130.739.726.982	1.003.395.578.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		38.585.826	22.948.525
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.130.701.141.156	1.003.372.629.606
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	975.754.074.868	854.392.696.559
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		154.947.066.288	148.979.933.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	4.050.674.861	2.456.488.980
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	13.038.116.555	14.456.745.180
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		11.648.613.907	13.469.794.679
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	56.825.621.653	51.987.271.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	15.469.392.227	15.374.055.553
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.664.610.714	69.618.349.836
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	2.859.267.437	1.913.323.651
12. Chi phí khác	32		1.115.080.129	1.467.777.714
13. Lợi nhuận khác	40		1.744.187.308	445.545.937
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.408.798.022	70.063.895.773
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	10.469.875.684	6.776.903.279
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(6.9)	620.110.537	(4.048.736.891)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64.318.811.801	67.335.729.385
18. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phần	70	(5.19.5)	6.012	6.927

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN

NGUYỄN HOÀNG

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Mẫu số B 03 - DN****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.408.798.022	70.063.895.773
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		28.082.321.313	53.541.134.194
Các khoản dự phòng	03		35.485.016	(133.622.746)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		281.359.505	(354.588.331)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.929.393.353)	(1.893.848.406)
Chi phí lãi vay	06		11.648.613.907	13.469.794.679
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>111.527.184.410</b>	<b>134.692.765.163</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(39.211.895.060)	(32.358.429.286)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.562.624.595)	(45.262.582.731)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.713.962.418)	11.202.269.662
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.994.535.278	(7.648.693.631)
Tiền lãi vay đã trả	13		(11.701.823.131)	(13.399.334.574)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.969.965.445)	(6.886.981.257)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.493.455.032)	(15.199.106.220)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16.867.994.007</b>	<b>25.139.907.126</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.245.294.690)	(4.545.034.608)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.855.448.909	2.051.015.073
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16.389.845.781)</b>	<b>(2.494.019.535)</b>

*(Phần tiếp theo ở trang 11)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		649.465.509.348	359.987.340.618
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(618.217.405.787)	(341.982.408.379)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.958.297.971)	(1.711.973.765)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.347.084.000)	(8.894.690.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.942.721.590</b>	<b>7.398.268.474</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>8.420.869.816</b>	<b>30.044.156.065</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>73.767.750.198</b>	<b>43.694.913.350</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.839.341	28.680.783
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>82.194.459.355</b>	<b>73.767.750.198</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÝ PHÁT

TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN


NGUYỄN HOÀNG

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015



GIÁM ĐỐC



# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 21 tháng 08 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.978.420.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Chi nhánh đặt tại Lô B\_6A\_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 05 năm 2014.
- Văn phòng đại diện đặt tại Số 20 Lý Tự Trọng, Phường An Cư, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 788 người (31/12/2013: 791 người).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

#### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

### 4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.5. Hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**4.6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí liên quan giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước, chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.7. Tài sản cố định hữu hình**

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Thời gian khấu hao	Hệ số khấu hao nhanh	
		Năm 2014	Năm 2013
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm	1	1
+ Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm	1	2
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm	1	2
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm	1	2
+ Tài sản cố định khác	04 năm	1	2

## 4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 3 năm với tỷ lệ khấu hao nhanh kỳ này là 1 lần và kỳ trước là 2 lần.

## 4.9. Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản nợ phải trả tương ứng cho người đi thuê được hạch toán như khoản nợ thuê tài chính phải trả. Khoản thanh toán tiền thuê được phân tách thành chi phí tài chính và khoản giảm trừ nợ thuê tài chính phải trả để đạt được tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh trừ khi chúng liên quan tới các tài sản đủ tiêu chuẩn trong trường hợp chúng được vốn hóa theo chính sách kế toán chi phí lãi vay của Công ty.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

## 4.10. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính:

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

**4.12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

**4.13. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

**4.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ dự phòng tài chính được trích bằng 3% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tuy nhiên không vượt 10% vốn điều lệ.

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bằng 15% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp, doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.16. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**4.17. Thuế**

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

- + *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:* Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- + *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại:* Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- + *Ưu đãi, miễn giảm thuế:*

Theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 và Thông tư số 88/2004/TT-BTC ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Bộ Tài Chính, Trụ sở chính được miễn thuế 3 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 15% trong 12 năm.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 đối với phần thu nhập từ dự án đầu tư tại Chi nhánh tại Lô B\_6A\_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương áp dụng thuế suất 22%.

- *Thuế giá trị gia tăng:* Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất là 10%.
- *Các loại thuế khác:* Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**4.18. Công cụ tài chính**

- Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn vào cổ phiếu chưa niêm yết.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.19. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**4.20. Thay đổi ước tính kế toán**

Trong năm, Công ty đã thay đổi tỷ lệ khấu hao của một số nhóm tài sản như được trình bày tại mục 4.7 và 4.8. Việc thay đổi này được xem là thay đổi ước tính kế toán theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót". Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn kết quả hoạt động của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí khấu hao năm nay sẽ tăng 18.280.438.586 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 19)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	48.819.350	99.337.421
Tiền gửi ngân hàng	15.145.640.005	58.668.412.777
Các khoản tương đương tiền	<u>67.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>82.194.459.355</u></b>	<b><u>73.767.750.198</u></b>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	231.562.957.160	193.486.877.813
Trả trước cho người bán	895.708.393	623.188.820
Các khoản phải thu khác	<u>1.860.345.388</u>	<u>773.791.495</u>
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b><u>234.319.010.941</u></b>	<b><u>194.883.858.128</u></b>
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(138.057.640)</u>	<u>(102.572.624)</u>
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b><u>234.180.953.301</u></b>	<b><u>194.781.285.504</u></b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty - Xem thêm Phụ lục 1. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan là 494.779.010 đồng - Xem thêm mục 8.

Giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp tại ngân hàng là 80 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.9.

**5.3. Hàng tồn kho**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	16.502.873.905	1.059.870.680
Nguyên liệu, vật liệu	118.932.801.729	117.031.867.098
Công cụ, dụng cụ	547.312.955	254.610.035
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.514.113.118	3.231.598.942
Thành phẩm	<u>9.213.094.148</u>	<u>8.569.624.505</u>
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>149.710.195.855</u></b>	<b><u>130.147.571.260</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b><u>149.710.195.855</u></b>	<b><u>130.147.571.260</u></b>

Giá trị hàng tồn kho đang được thế chấp tại ngân hàng là 20 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.9.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

**5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
						VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	131.371.988.799	215.274.118.480	10.228.432.316	6.495.999.806	441.195.818	363.811.735.219
Mua trong năm	-	3.181.214.182	-	105.600.000	32.500.000	3.319.314.182
Tặng khác	454.545.455	-	-	-	-	454.545.455
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>131.826.534.254</b>	<b>218.455.332.662</b>	<b>10.228.432.316</b>	<b>6.601.599.806</b>	<b>473.695.818</b>	<b>367.585.594.856</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	26.256.803.521	171.819.789.935	7.535.261.932	4.408.223.610	275.068.650	210.295.147.648
Khấu hao trong năm	5.785.585.979	16.728.228.072	792.301.599	1.258.658.743	103.411.455	24.668.185.848
Giảm khác	-	(647.880.134)	-	-	-	(647.880.134)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.042.389.500</b>	<b>187.900.137.873</b>	<b>8.327.563.531</b>	<b>5.666.882.353</b>	<b>378.480.105</b>	<b>234.315.453.362</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	105.115.185.278	43.454.328.545	2.693.170.384	2.087.776.196	166.127.168	153.516.587.571
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>99.784.144.754</b>	<b>30.555.194.789</b>	<b>1.900.868.785</b>	<b>934.717.453</b>	<b>95.215.713</b>	<b>133.270.141.494</b>

- Nguyên giá của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 154.619.967.556 đồng - Xem thêm mục 5.9 và mục 5.16.
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 146.862.542.955 đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

### 5.5. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	VND
Khoản mục	Máy móc, thiết bị
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	12.964.043.478
Thuê tài chính trong năm	16.426.535.372
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>29.390.578.850</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	6.482.021.739
Khấu hao trong năm	3.414.135.465
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>9.896.157.204</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	6.482.021.739
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>19.494.421.646</u></b>

### 5.6. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Tam Phước với số tiền là 4 tỷ đồng, tương đương 400.000 cổ phần tương ứng tỷ lệ góp vốn là 1%.

### 5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	35.402.371.320	36.265.843.789
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	649.966.095	2.192.561.572
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	932.482.388	1.466.780.936
Khác	<u>136.325.893</u>	<u>222.306.392</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>37.121.145.696</u></b>	<b><u>40.147.492.689</u></b>

### 5.8. Tài sản dài hạn khác

Chủ yếu là khoản đặt cọc 8% giá mua tài sản thuê tài chính với số tiền là 2.183.870.000 đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

### 5.9. Vay ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	151.413.997.275	120.807.024.894
Vay dài hạn đến hạn trả	11.774.857.600	11.710.692.800
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	<u>5.473.927.251</u>	<u>1.958.297.980</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>168.662.782.126</u></b>	<b><u>134.476.015.674</u></b>

Vay ngân hàng chủ yếu là các khoản vay chịu lãi suất từ 2,4%/năm đến 4,6%/năm. Các khoản vay này phải thế chấp bằng:

- Giá trị các khoản phải thu là 80 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.2.
- Giá trị hàng tồn kho là 20 tỷ đồng và 2.000.000 USD - Xem thêm mục 5.3.

Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.16.

Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Xem thêm mục 5.16 và mục 10.

### 5.10. Phải trả người bán

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	131.953.013.064	120.118.422.628
Người mua trả tiền trước	<u>4.695.804</u>	<u>82.154.512</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>131.957.708.868</u></b>	<b><u>120.200.577.140</u></b>

Phải trả người bán là khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty - Xem thêm Phụ lục 1.

### 5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	2.455.131.400	2.812.607.312
Thuế thu nhập cá nhân	778.595.838	3.557.821.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.654.306.531</u>	<u>1.559.147.208</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>6.888.033.769</u></b>	<b><u>7.929.576.378</u></b>

### 5.12. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương nhưng thực tế chưa chi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

**5.13. Chi phí phải trả**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê đất và phí quản lý	8.622.091.655	6.801.458.110
Chi phí vận chuyển	2.170.000.000	2.984.000.000
Chi phí gia công	524.975.739	-
Chi phí hơi bảo hòa	-	590.351.615
Chi phí lãi vay	211.751.300	264.960.524
Chi phí khác	<u>1.514.739.813</u>	<u>1.171.028.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>13.043.558.507</u></b>	<b><u>11.811.798.249</u></b>

**5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	12.183.660	9.065.951
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	640.512.557	550.793.091
Cổ tức phải trả	175.000	175.000
Thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	413.530.295	485.207.888
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>203.173.892</u>	<u>63.302.012</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.269.575.404</u></b>	<b><u>1.108.543.942</u></b>

**5.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	10.855.549.115	14.463.258.646
Trích lập trong năm	10.101.099.283	10.727.389.989
Sử dụng trong năm	<u>(17.030.220.497)</u>	<u>(14.335.099.520)</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>3.926.427.901</u></b>	<b><u>10.855.549.115</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

### 5.16. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	42.935.507.987	54.421.629.588
Nợ thuê tài chính	<u>12.978.151.392</u>	<u>6.052.889.568</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>55.913.659.379</u></b>	<b><u>60.474.519.156</u></b>

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 52 tháng đến 96 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 54.710.365.587 đồng, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 11.774.857.600 đồng - Xem thêm mục 5.9.

Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nguyên giá của tài sản cố định là 154.619.967.556 đồng - Xem thêm mục 5.4.
- Quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HDLĐ ngày 24 tháng 02 năm 2011.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính máy in Flexo Sunrise 3 màu và máy in Flexo Sunrise 6 màu với thời hạn 5 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 18.452.078.643 đồng, trong đó nợ thuê tài chính đến hạn trả là 5.473.927.251 đồng - Xem thêm mục 5.9.

(Phần tiếp theo ở trang 25)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

**5.17. Vốn chủ sở hữu****5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	89.189.900.000	14.940.453.510	(408.640.209)	11.348.924.685	5.674.462.342	70.747.389.726	191.492.490.054
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	67.335.729.385	67.335.729.385
Tặng khác	17.788.520.000	-	-	-	-	1.796.733.630	19.585.253.630
Trích quỹ	-	-	-	10.100.359.408	3.366.786.469	-	13.467.145.877
Giảm trong năm trước	-	(14.940.453.510)	-	-	(182.672.490)	(37.836.956.241)	(52.960.082.241)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>106.978.420.000</b>	<b>-</b>	<b>(408.640.209)</b>	<b>21.449.284.093</b>	<b>8.858.576.321</b>	<b>102.042.896.500</b>	<b>238.920.536.705</b>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	64.318.811.801	64.318.811.801
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	9.647.821.770	1.839.265.679	-	11.487.087.449
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-	(43.262.587.350)	(43.262.587.350)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>106.978.420.000</b>	<b>-</b>	<b>(408.640.209)</b>	<b>31.097.105.863</b>	<b>10.697.842.000</b>	<b>123.099.120.951</b>	<b>271.463.848.605</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

### 5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	57.336.610.000	54%	57.336.610.000	54%
Các cổ đông khác	49.641.810.000	46%	49.641.810.000	46%
<b>Tổng cộng</b>	<b>106.978.420.000</b>	<b>100%</b>	<b>106.978.420.000</b>	<b>100%</b>

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, các cổ đông Công ty đã góp đủ 100% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

### 5.17.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm:	21.347.084.000	8.894.690.000
+ Cổ tức năm 2013	10.673.542.000	8.894.690.000
+ Cổ tức năm 2014	10.673.542.000	-

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên lần XI năm 2013 ngày 21 tháng 03 năm 2014:

- Cổ tức năm 2013 là 20%/mệnh giá cổ phần. Trong năm 2013, Công ty đã tạm ứng cổ tức 10% và chi trả 10% trong năm 2014.
- Cổ tức năm 2014 dự kiến được chia với tỷ lệ từ 20%/mệnh giá cổ phần trở lên, và sẽ được công bố sau khi tổ chức đại hội cổ đông năm 2014. Trong năm 2014 Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá cổ phần.

### 5.17.4. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	10.697.842	10.697.842
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	10.697.842	10.697.842
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	24.300	24.300
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	10.673.542	10.673.542
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

### 5.17.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	64.318.811.801	67.335.729.385
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.697.842	9.720.586
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>6.012</b>	<b>6.927</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Mẫu số B 09 – DN****5.17.6. Phân phối lợi nhuận**

	<b>VND</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	102.042.896.500	70.747.389.726
Lợi nhuận sau thuế trong năm	64.318.811.801	67.335.729.385
Tăng khác	1.554.308.702	1.796.733.630
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(9.647.821.770)	(10.100.359.408)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(1.839.265.679)	(3.366.786.469)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.647.821.770)	(10.100.359.408)
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(453.277.513)	(627.030.581)
Chia cổ tức	(21.347.084.000)	(8.894.690.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	(1.286.376.236)	(1.346.714.588)
Phát hành cổ phiếu thưởng	-	(2.848.066.490)
Giảm khác	<u>(595.249.084)</u>	<u>(552.949.297)</u>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b><u>123.099.120.951</u></b>	<b><u>102.042.896.500</u></b>

Giảm khác là số tiền truy thu thuế TNDN năm 2013 theo Biên bản Kiểm toán Nhà Nước.

Tăng khác là khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận do điều chỉnh giảm chi phí khấu hao tài sản cố định và tăng giá trị tài sản thuế hoãn lại tại chi nhánh Mỹ Phước.

(Phần tiếp theo ở trang 28)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán sản phẩm Carton	938.016.293.596	805.952.328.761
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	163.532.082.244	172.191.878.870
Doanh thu bán hàng khác	29.191.351.142	25.251.370.500
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>(38.585.826)</u>	<u>(22.948.525)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.130.701.141.156</u></b>	<b><u>1.003.372.629.606</u></b>

Trong đó, doanh thu bán sản phẩm cho Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ với số tiền là 8.194.644.020 đồng - Xem thêm mục 8.

**6.2. Giá vốn hàng bán**

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán.

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.994.339.185	881.119.239
Lãi cho Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ vay - Xem thêm mục 8	935.054.168	612.729.167
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121.281.508	208.052.243
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	354.588.331
Khác	-	400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.050.674.861</u></b>	<b><u>2.456.488.980</u></b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	11.648.613.907	12.546.489.124
Chi phí lãi vay Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Công ty mẹ - Xem thêm mục 8	-	923.305.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.108.143.143	986.950.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	<u>281.359.505</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>13.038.116.555</u></b>	<b><u>14.456.745.180</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Mẫu số B 09 – DN****6.5. Chi phí bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	22.551.872.624	19.662.393.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.988.170.285	24.615.577.380
Chi phí bằng tiền khác	<u>7.285.578.744</u>	<u>7.709.300.827</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>56.825.621.653</u></b>	<b><u>51.987.271.458</u></b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.807.704.958	7.625.520.098
Chi phí vật liệu quản lý	122.314.150	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	459.390.577	701.421.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	506.286.227	862.947.491
Thuế, phí, lệ phí	116.661.910	185.143.432
Chi phí dự phòng	35.485.016	(133.622.746)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.017.695.055	987.649.679
Chi phí bằng tiền khác	<u>5.403.854.334</u>	<u>5.144.996.115</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>15.469.392.227</u></b>	<b><u>15.374.055.553</u></b>

**6.7. Thu nhập khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ bán phế liệu	316.592.094	516.856.876
Thu bồi thường	198.927.218	346.725.511
Hoàn nhập quyết toán thuế TNCN NVKD năm 2013	1.407.326.752	-
Thu nhập khác	<u>936.421.373</u>	<u>1.049.741.264</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.859.267.437</u></b>	<b><u>1.913.323.651</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Mẫu số B 09 – DN****6.8. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VND	
	Năm này	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	75.408.798.022	70.063.895.773
Lợi nhuận kế toán Chi nhánh Mỹ Phước	(11.440.775.912)	16.727.372.880
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.498.240.455	4.528.961.411
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	(429.094.353)
Trừ thu nhập khác	<u>(7.141.947.131)</u>	<u>(532.425.318)</u>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	59.324.315.434	90.358.710.393
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	<u>15%</u>	<u>15%</u>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	8.898.647.315	13.553.806.560
Trừ thuế TNDN được giảm (50%)	-	(6.776.903.280)
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập khác	<u>1.571.228.369</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b><u>10.469.875.684</u></b>	<b><u>6.776.903.280</u></b>

Khoản lãi phát sinh tại Chi nhánh Mỹ Phước không tính thuế thu nhập doanh nghiệp do chuyển lỗ từ các năm trước của chi nhánh và được trừ khỏi lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm.

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ và thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN.

(Phần tiếp theo ở trang 31)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

**Mẫu số B 09 – DN****6.9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND		
	Lỗ tính thuế chưa sử dụng	Chi phí trích trước	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-
Hạch toán tăng lợi nhuận từ thuế TNDN hoãn lại năm 2012	1.796.733.630	-	1.796.733.630
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm 2013	4.048.736.891	-	4.048.736.891
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b><u>5.845.470.521</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.845.470.521</u></b>
Hạch toán giảm lợi nhuận từ chênh lệch thuế suất TNDN hoãn lại năm 2012 và 2013	(701.456.463)	-	(701.456.463)
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong năm 2014	(2.516.970.701)	1.896.860.164	(620.110.537)
Hạch toán giảm lợi nhuận trong năm 2013	1.637.195.997	-	1.637.195.997
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>4.264.239.354</u></b>	<b><u>1.896.860.164</u></b>	<b><u>6.161.099.518</u></b>

**6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	854.650.542.427	704.786.673.139
Chi phí nhân công	93.092.018.796	89.844.967.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.082.321.313	53.541.134.194
Chi phí dự phòng	35.485.016	(133.622.746)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.037.803.065	49.086.183.066
Chi phí bằng tiền khác	25.076.901.950	40.873.239.654
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.049.975.072.567</u></b>	<b><u>937.998.575.018</u></b>

(Phần tiếp theo ở trang 32)

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÍ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

### 7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Đồng Nai
- Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>							
<b>Doanh thu Công ty</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	1.014.162	931.761	116.539	71.612	-	-	1.130.701	1.003.373
Giữa các bộ phận	143.061	75.450	290.894	172.988	(433.955)	(248.438)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.157.223</b>	<b>1.007.211</b>	<b>407.433</b>	<b>244.600</b>	<b>(433.955)</b>	<b>(248.438)</b>	<b>1.130.701</b>	<b>1.003.373</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>								
<b>Công ty</b>								
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính và chi phí tài chính	64.289	98.581	18.363	(16.962)	-	-	82.652	81.619
Thu nhập tài chính							4.051	2.456
Chi phí tài chính							(13.038)	(14.457)
Lợi nhuận khác							1.744	446
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(11.090)	(2.728)
<b>Lợi nhuận Công ty sau thuế</b>							<b>64.319</b>	<b>67.336</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

**Các thông tin khác**

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng		<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
Tài sản của bộ phận	642.925	596.386	231.923	222.006	(205.462)	(207.520)	669.385	610.872	
Nợ phải trả của bộ phận	353.975	334.084	64.134	58.671	(20.187)	(20.803)	397.921	371.952	
	<b>Hồ Chí Minh</b>		<b>Khác</b>		<b>Loại trừ</b>		<b>Tổng cộng</b>		<i>Đơn vị tính: triệu đồng</i>
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Chi phí mua sắm tài sản	19.306	7.025	17.745	4.168	(16.852)	(3.240)	20.200	7.953	
Chi phí khấu hao	3.792	10.918	24.291	42.623	-	-	28.082	53.541	

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề sản xuất bao bì từ giấy, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

## 8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai		
<i>Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.2</i>	494.779.010	83.932.442

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai		
<i>Doanh thu bán hàng - Xem thêm mục 6.1</i>	8.194.644.020	10.671.155.090
<i>Lãi cho vay - Xem thêm mục 6.3</i>	935.054.168	612.729.167

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập của Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	1.286.376.236	1.346.714.588
Thu nhập của Giám đốc	832.293.247	756.512.099
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.118.669.483</u></b>	<b><u>2.103.226.687</u></b>

## 9. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Máy móc và thiết bị	4.013.800.000	162.386.000

## 10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang đang thuê máy in Flexo Sunrise 3 màu và máy in Flexo Sunrise 6 màu với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống - Xem thêm mục 5.9	5.473.927.251	1.958.297.980
Trên 1 năm đến 5 năm - Xem thêm mục 5.16	12.978.151.392	6.052.889.568
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>18.452.078.643</u></b>	<b><u>8.011.187.548</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

## 11. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.18.

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.194.459.355	73.767.750.198
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.498.843.964	193.434.305.189
Đầu tư dài hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	2.195.970.000	1.098.506.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>319.889.273.319</b>	<b>272.300.561.387</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	224.576.441.505	194.950.534.830
Phải trả người bán	131.953.013.064	120.118.422.628
Chi phí phải trả	13.043.558.507	11.811.798.249
<b>Tổng cộng</b>	<b>369.573.013.076</b>	<b>326.880.755.707</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

## ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	3.480.104,50	4.788.273,80	105.802,31	141.732,85
<i>Euro (EUR)</i>	-	-	949,84	949,84

### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

## ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	131.953.013.064	-	131.953.013.064
Chi phí phải trả	13.043.558.507	-	13.043.558.507
Các khoản vay	168.662.782.126	55.913.659.379	224.576.441.505
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	120.118.422.628	-	120.118.422.628
Chi phí phải trả	11.811.798.249	-	11.811.798.249
Các khoản vay	134.476.015.674	60.474.519.156	194.950.534.830

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.498.843.964	-	231.498.843.964
Đầu tư dài hạn	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	2.195.970.000	2.195.970.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 10 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	193.434.305.189	-	193.434.305.189
Đầu tư dài hạn	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	1.098.506.000	1.098.506.000

### 12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN

## 13. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 02 năm 2015.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 02 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÝ PHÁT

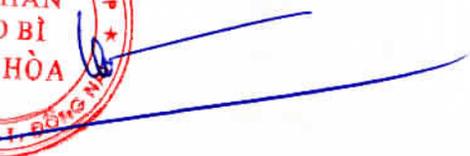
TRƯỞNG BP. TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN



NGUYỄN HOÀNG



GIÁM ĐỐC



LÊ QUỐC TUYỀN

**Phu lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014**

**1. Phải thu khách hàng:**

	<b>Số tiền</b>
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	45.242.957.489
Công ty Frieslandcampina Việt Nam	19.062.624.110
Công ty Cổ phần Công nghiệp MASAN	13.029.761.382
Công ty Pepsico Việt Nam	9.825.314.131
Công ty TNHH NGK Coca - Cola Việt Nam	9.813.255.628
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	9.457.609.376
Công ty Cổ phần Uniben	6.474.097.703
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	5.915.234.549
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Đồng Nai	4.827.456.664
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tỉnh Cần Thơ	4.753.227.804
Công ty TNHH NGK Coca - Cola Việt Nam - CN Đà Nẵng	4.116.093.300
Khác	<u>99.045.325.024</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>231.562.957.160</u></b>

**2. Phải trả người bán:**

	<b>Số tiền</b>
Công ty TNHH Hiang Seng Fibre Container	39.057.119.405
Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	40.540.423.991
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	23.705.727.650
Công ty TNHH Vina Kraft Paper	5.897.492.316
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	2.789.954.090
Công ty TNHH Kỹ Thuật Cơ Khí Năng Lượng Môi Trường Đại Phát	1.822.758.577
Khác	<u>18.139.537.035</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>131.953.013.064</u></b>